

KT3-00161AMT3/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

17/01/2023
Trang/ Page 01 / 07

- Tên mẫu
Name of sample : **THÀNH PHẨM NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN LA VIE**
1500 mL vPET
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 08/01/2023
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng;
Form: the liquid;
- Số đơn vị/mẫu: 0,5 L x 24;
Unit/sample: 0,5 L x 24;
- Dụng cụ chứa: chai nhựa;
Container: plastic bottle;
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 10/01/2023
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 10/01/2023 – 17/01/2023
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY TNHH LA VIE**
Quốc lộ 1A, Khu phố Tường Khánh, Phường Khánh Hậu, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing results : Xem trang tiếp theo / See next page

PHỤ TRÁCH PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL TESTING LAB

Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB



Phạm Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chỉ tiêu không được nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet



KT3-00161AMT3/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

17/01/2023
Trang Page 02 / 07

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 06- 1:2010/BYT Phụ lục I & III	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.1	Hàm lượng florua (F ⁻) Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B:2017	— ⁽²⁾ ;	0,3	-
7.2	Hàm lượng nitrit (NO ₂ ⁻) Nitrite content	mg/L	SMEWW 4110B:2017	0,1	KPH	0,02
7.3	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻) Nitrate content	mg/L	SMEWW 4110B:2017	50	0,5	-
7.4	Hàm lượng cyanua tổng (CN ⁻) Cyanide content	mg/L	TCVN 6181:1996	0,07	KPH	0,005
7.5	Hàm lượng chất hoạt động bề mặt anion (metylen xanh) Anion surfactant content	mg/L	TCVN 6336:1998	— ⁽³⁾ ;	KPH	0,05
7.6	Hàm lượng borat (BO ₃ ³⁻) tính theo bo (B) Borate calculated for boron content	mg/L	US EPA Method 200.8	5	0,04	-
7.7	Hàm lượng đồng (Cu) Copper content	mg/L	US EPA Method 200.8	1	KPH	0,02
7.8	Hàm lượng mangan (Mn) Manganese content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,4	KPH	0,02
7.9	Hàm lượng cadimi (Cd) Cadmium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,003	KPH	0,001
7.10	Hàm lượng niken (Ni) Nickel content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,02	KPH	0,005
7.11	Hàm lượng chì (Pb) Lead content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	KPH	0,005
7.12	Hàm lượng crôm (Cr) Chromium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,05	KPH	0,005
7.13	Hàm lượng bari (Ba), Barium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,7	0,07	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rg.vn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rg.vn@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet



KT3-00161AMT3/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

17/01/2023
Trang Page 03 / 07

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 06- 1:2010/BYT Phụ lục I & III	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.14	Hàm lượng Selen (Se) Selenium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	KPH	0,003
7.15	Hàm lượng stibi (Sb) Antimoni content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,005	KPH	0,005
7.16	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	0,002	-
7.17	Hàm lượng thủy ngân (Hg) Mercury content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,001	KPH	0,0005
7.18	Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật clo hữu cơ Organochlorine content		SMEWW 6630B:2017	— ⁽³⁾ :	-	-
	+ Aldrin	µg/L		-	KPH	0,5
	+ Dieldrin	µg/L		-	KPH	0,5
	+ Heptachlor	µg/L		-	KPH	0,5
	+ Heptachlor epoxide	µg/L		-	KPH	0,5
	+ Hexachlorbenzen	µg/L		-	KPH	0,5
	+ Methoxychlor	µg/L		-	KPH	0,5
	+ 4,4'-DDD	µg/L		-	KPH	0,5
	+ 4,4'-DDE	µg/L		-	KPH	0,5
	+ 4,4'-DDT	µg/L		-	KPH	0,5
	+ α-endosulfan	µg/L		-	KPH	0,5
	+ β-endosulfan	µg/L		-	KPH	0,5
	+ Endrin	µg/L		-	KPH	0,5
	+ Endosulfan-sulfate	µg/L		-	KPH	0,5
	+ α-HCB	µg/L		-	KPH	0,5
	+ β-HCB	µg/L		-	KPH	0,5
	+ γ-HCH	µg/L		-	KPH	0,5
	+ δ-HCH	µg/L		-	KPH	0,5

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet



KT3-00161AMT3/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

 17/01/2023
 Trang/ Page 04 / 07

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 06- 1:2010/BYT Phụ lục I & III	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.19	Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật nhóm cúc tổng hợp <i>Pyrethroid content</i>		SMEWW 6630B:2017	— ⁽³⁾ :	-	-
	+ Permethrin	µg/L		-	KPH	5,0
	+ Cypermethrin	µg/L		-	KPH	5,0
	+ Fenvalerate	µg/L		-	KPH	5,0
	+ Deltamethrin	µg/L		-	KPH	5,0
7.20	Hàm lượng thuốc trừ cỏ <i>Herbicide content</i>		US EPA Method 8321B	— ⁽³⁾ :	-	-
	+ 2,4,5-T	µg/L		-	KPH	1,0
	+ 2,4-D	µg/L		-	KPH	1,0
	+ 2,4-DB	µg/L		-	KPH	1,0
	+ 2,4-DP	µg/L		-	KPH	1,0
	+ MCPA	µg/L		-	KPH	1,0
	+ MCPP (Mecopro)	µg/L		-	KPH	1,0
	+ 2,4,5-TP (Fenopro)	µg/L		-	KPH	1,0
7.21	Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật nhóm carbamate <i>Carbamate content</i>		SMEWW 6610B:2017	— ⁽³⁾ :	-	-
	+ Carbofuran	µg/L		-	KPH	2,0
	+ Aldicarb	µg/L		-	KPH	2,0
	+ Aldicarb sulfone	µg/L		-	KPH	2,0
	+ Oxamyl	µg/L		-	KPH	2,0
	+ Propoxur	µg/L		-	KPH	2,0
	+ Carbaryl	µg/L		-	KPH	2,0
	+ Isoprocab	µg/L		-	KPH	2,0
	+ Methiocarb	µg/L		-	KPH	2,0
	+ Fenobucarb	µg/L		-	KPH	2,0
	+ Aldicarb sulfoxide	µg/L		-	KPH	2,0
	+ Carbendazim	µg/L		-	KPH	2,0
	+ Thiabendazole	µg/L		-	KPH	2,0

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rg.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rg.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet



KT3-00161AMT3/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

17/01/2023
Trang / Page 05 / 07

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 06- 1:2010/BYT Phụ lục I & III	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
	+ Imidaclopride	µg/L		-	KPH	2,0
	+ Methomyl	µg/L		-	KPH	2,0
7.22	Hàm lượng hydrocarbon thơm đa vòng (PAHs) Polycyclic aromatic hydrocarbon content	µg/L	SMEWW 6440C:2017	— ⁽³⁾ :	-	-
	+ Benzo (a) pyrene	µg/L		-	KPH	0,2
7.23	Hàm lượng Polychlorinated biphenyls (PCBs) ⁽²⁾ Polychlorinated biphenyls content	µg/L	SMEWW 6630B:2017	— ⁽³⁾ :	KPH	0,2
7.24	Hàm lượng dầu khoáng Hydrocarbon content	mg/L	SMEWW 6410B:2017	— ⁽³⁾ :	KPH	0,05
7.25	Coliform tổng số Total Coliform	CFU/250 mL	ISO 9308-1:2014	(A)	< 1(***)	-
7.26	Escherichia coli	CFU/250 mL	ISO 9308-1:2014	(B)	< 1(***)	-
7.27	Enterococci Streptococci faecal	CFU/250 mL	ISO 7899-2:2000 QCVN 06-1:2010	(A)	< 1(***)	-
7.28	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit Spores of sulfite - reducing anaerobes (Clostridia)	CFU/50 mL	ISO 6461-2:1986	(A)	< 1(***)	-
7.29	Pseudomonas aeruginosa	CFU/250 mL	ISO 16266:2006	(A)	< 1(***)	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet



KT3-00161AMT3/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

17/01/2023

Page 06 / 07

Ghi chú/ Notice:

(**): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra/ The result "<1 CFU" is considered "target organism not-detectable" in the volume of sample analysed

(2): theo điểm b, khoản 2.3.3, mục 2 của quy chuẩn này.

- Nếu sản phẩm nước khoáng thiên nhiên đóng chai có hàm lượng fluorid lớn hơn 1 mg/l thì phải ghi trên nhãn sản phẩm là "Có chứa fluorid";

- Nếu sản phẩm nước khoáng thiên nhiên đóng chai có hàm lượng fluorid lớn hơn 1,5 mg/l thì phải ghi trên nhãn sản phẩm là "Sản phẩm không sử dụng cho trẻ em dưới 7 tuổi"./ According to point b, terms 2.3.3, item 2 base on QCVN 06-1:2010/BYT

(3): Phải nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp thử./ Limit must be less than the quantity specified in the corresponding test methods

(A) Nếu số vi khuẩn (bào tử) ≥ 1 và ≤ 2 thì tiến hành kiểm tra lần thứ hai, nếu số vi khuẩn (bào tử) > 2 thì loại bỏ; (B) Không phát hiện được trong bất kỳ mẫu nào./ (A) If bacteria number ≥ 1 and ≤ 2 (spore) doing the second test, > 2 rejecting the sample; B) Not detected in any sample.

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water

TCVN: Tiêu Chuẩn Quốc Gia/ National standards

US EPA: United States Environmental Protection Agency

(2): Polychlorinated biphenyls (PCBs) được xác định dựa trên các chất sau:

Polychlorinated biphenyls (PCBs) was determined based on the following compounds:

- 2,2',5- trichlorobiphenyl
- 2,2',3,4,4',5'- hexachlorobiphenyl
- 2,4,5- trichlorobiphenyl
- 2,2',3,4',5',6- hexachlorobiphenyl
- 2,4',5- trichlorobiphenyl
- 2,2',4,4',5,5'- hexachlorobiphenyl
- 2,2',3,5'- tetrachlorobiphenyl
- 2,2',3,3',4,4',5-heptachlorobiphenyl
- 2,2',5,5'- tetrachlorobiphenyl
- 2,2',3,4,4',5,5'- heptachlorobiphenyl
- 2,2',4,5,5'- pentachlorobiphenyl
- 2,2',3,3',4,4',5,5'- octachlorobiphenyl
- 2,2',4,4',5- pentachlorobiphenyl
- 2,2',3,3',4,4',5,5',6,6'- decachlorobiphenyl

QCVN 06-1:2010/BYT Phụ lục I & III : Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên/
National technical regulation

for bottled/package natural mineral waters and drinking waters

KPH: Không phát hiện/ Not detected

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chỉ tiêu không công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet



KT3-00161AMT3/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

17/01/2023
 Trang/ Page 07 / 07



2

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chỉ tiêu chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet*



KT3-00161AMT3/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

17/01/2023
 Trang/ Page 01 / 07

- Tên mẫu
Name of sample : **THÀNH PHẨM NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN LA VIE**
350 mL rPET
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 06/01/2023
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
 - Dạng mẫu: lỏng;
Form: the liquid;
 - Số đơn vị/mẫu: 350 mL x 24;
Unit/sample: 350 mL x 24;
 - Dụng cụ chứa: chai nhựa;
Container: plastic bottle;
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 10/01/2023
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 10/01/2023 – 17/01/2023
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY TNHH LA VIE**
Quốc lộ 1A, Khu phố Tường Khánh, Phường Khánh Hậu, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing results : Xem trang tiếp theo / *See next page*

PHỤ TRÁCH PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL TESTING LAB

Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB

Phan Thành Trung

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request*
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chỉ tiêu chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet*



KT3-00161AMT3/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

 17/01/2023
 Trang Page 02 / 07

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 06- 1:2010/BYT Phụ lục I & III	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.1	Hàm lượng florua (F ⁻) Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B:2017	⁽²⁾ :	0,3	-
7.2	Hàm lượng nitrit (NO ₂ ⁻) Nitrite content	mg/L	SMEWW 4110B:2017	0,1	KPH	0,02
7.3	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻) Nitrate content	mg/L	SMEWW 4110B:2017	50	0,6	-
7.4	Hàm lượng cyanua tổng (CN ⁻) Cyanide content	mg/L	TCVN 6181:1996	0,07	KPH	0,005
7.5	Hàm lượng chất hoạt động bề mặt anion (metylen xanh) Anion surfactant content	mg/L	TCVN 6336:1998	⁽³⁾ :	KPH	0,05
7.6	Hàm lượng borat (BO ₃ ³⁻) tính theo bo (B) Borate calculated for boron content	mg/L	US EPA Method 200.8	5	0,05	-
7.7	Hàm lượng đồng (Cu) Copper content	mg/L	US EPA Method 200.8	1	KPH	0,02
7.8	Hàm lượng mangan (Mn) Manganese content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,4	KPH	0,02
7.9	Hàm lượng cadimi (Cd) Cadmium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,003	KPH	0,001
7.10	Hàm lượng niken (Ni) Nickel content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,02	KPH	0,005
7.11	Hàm lượng chì (Pb) Lead content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	KPH	0,005
7.12	Hàm lượng crôm (Cr) Chromium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,05	KPH	0,005

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rg.in@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rg.in@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chỉ tiêu không được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet



KT3-00161AMT3/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

 13/01/2023
 Trang / Page 03 / 07

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 06- 1:2010/BYT Phụ lục I & III	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.13	Hàm lượng bari (Ba), Barium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,7	0,07	-
7.14	Hàm lượng Selen (Se) Selenium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	KPH	0,003
7.15	Hàm lượng stibi (Sb) Antimoni content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,005	KPH	0,005
7.16	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	0,002	-
7.17	Hàm lượng thủy ngân (Hg) Mercury content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,001	KPH	0,0005
7.18	Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật clo hữu cơ Organochlorine content		SMEWW 6630B:2017	— ⁽³⁾ :	-	-
	+ Aldrin	µg/L		-	KPH	0,5
	+ Dieldrin	µg/L		-	KPH	0,5
	+ Heptachlor	µg/L		-	KPH	0,5
	+ Heptachlor epoxide	µg/L		-	KPH	0,5
	+ Hexachlorbenzen	µg/L		-	KPH	0,5
	+ Methoxychlor	µg/L		-	KPH	0,5
	+ 4,4'-DDD	µg/L		-	KPH	0,5
	+ 4,4'-DDE	µg/L		-	KPH	0,5
	+ 4,4'-DDT	µg/L		-	KPH	0,5
	+ α-endosulfan	µg/L		-	KPH	0,5
	+ β-endosulfan	µg/L		-	KPH	0,5
	+ Endrin	µg/L		-	KPH	0,5
	+ Endosulfan-sulfate	µg/L		-	KPH	0,5
	+ α-HCB	µg/L		-	KPH	0,5
	+ β-HCB	µg/L		-	KPH	0,5
	+ γ-HCH	µg/L		-	KPH	0,5
	+ δ-HCH	µg/L		-	KPH	0,5

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và tg.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and tg.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chỉ tiêu không công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet



KT3-00161AMT3/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

17/01/2023
Trang / Page 04 / 07

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 06- 1:2010/BYT Phụ lục I & III	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.19	Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật nhóm cúc tổng hợp <i>Pyrethroid content</i>		SMEWW 6630B:2017	_(3):	-	-
	+ Permethrin	µg/L		-	KPH	5,0
	+ Cypermethrin	µg/L		-	KPH	5,0
	+ Fenvalerate	µg/L		-	KPH	5,0
	+ Deltamethrin	µg/L		-	KPH	5,0
7.20	Hàm lượng thuốc trừ cỏ <i>Herbicide content</i>		US EPA Method 8321B	_(3):	-	-
	+ 2,4,5-T	µg/L		-	KPH	1,0
	+ 2,4-D	µg/L		-	KPH	1,0
	+ 2,4-DB	µg/L		-	KPH	1,0
	+ 2,4-DP	µg/L		-	KPH	1,0
	+ MCPA	µg/L		-	KPH	1,0
	+ MCPP (Mecopro)	µg/L		-	KPH	1,0
	+ 2,4,5-TP (Fenopro)	µg/L		-	KPH	1,0
7.21	Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật nhóm carbamate <i>Carbamate content</i>		SMEWW 6610B:2017	_(3):	-	-
	+ Carbofuran	µg/L		-	KPH	2,0
	+ Aldicarb	µg/L		-	KPH	2,0
	+ Aldicarb sulfone	µg/L		-	KPH	2,0
	+ Oxamyl	µg/L		-	KPH	2,0
	+ Propoxur	µg/L		-	KPH	2,0
	+ Carbaryl	µg/L		-	KPH	2,0
	+ Isoprocarb	µg/L		-	KPH	2,0
	+ Methiocarb	µg/L		-	KPH	2,0
	+ Fenobucarb	µg/L		-	KPH	2,0
	+ Aldicarb sulfoxide	µg/L		-	KPH	2,0
	+ Carbendazim	µg/L		-	KPH	2,0

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chỉ tiêu không công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet



KT3-00161AMT3/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

 17/01/2023
 Trang/ Page 05 / 07

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 06- 1:2010/BYT Phụ lục I & III	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
	+ Thiabendazole	µg/L		-	KPH	2,0
	+ Imidaclopride	µg/L		-	KPH	2,0
	+ Methomyl	µg/L		-	KPH	2,0
7.22	Hàm lượng hydrocarbon thơm đa vòng (PAHs) Polycyclic aromatic hydrocarbon content	µg/L	SMEWW 6440C:2017	_(3):	-	-
	+ Benzo (a) pyrene	µg/L		-	KPH	0,2
7.23	Hàm lượng Polychlorinated biphenyls (PCBs) (2) Polychlorinated biphenyls content	µg/L	SMEWW 6630B:2017	_(3):	KPH	0,2
7.24	Hàm lượng dầu khoáng Hydrocarbon content	mg/L	SMEWW 6410B:2017	_(3):	KPH	0,05
7.25	Coliform tổng số Total Coliform	CFU/250 mL	ISO 9308-1:2014	(A)	< 1(***)	-
7.26	Escherichia coli	CFU/250 mL	ISO 9308-1:2014	(B)	< 1(***)	-
7.27	Enterococci Streptococci faecal	CFU/250 mL	ISO 7899-2:2000 QCVN 06-1:2010	(A)	< 1(***)	-
7.28	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit Spores of sulfite - reducing anaerobes (Clostridia)	CFU/50 mL	ISO 6461-2:1986	(A)	< 1(***)	-
7.29	Pseudomonas aeruginosa	CFU/250 mL	ISO 16266:2006	(A)	< 1(***)	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chỉ tiêu không được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet



KT3-00161AMT3/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

17/01/2023
 Trang / Page 06 / 07

Ghi chú/ Notice:

(**): Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra/ *The result “<1 CFU” is considered “target organism not-detectable” in the volume of sample analysed*

(2): theo điểm b, khoản 2.3.3, mục 2 của quy chuẩn này.

- Nếu sản phẩm nước khoáng thiên nhiên đóng chai có hàm lượng fluorid lớn hơn 1 mg/l thì phải ghi trên nhãn sản phẩm là “Có chứa fluorid”;

- Nếu sản phẩm nước khoáng thiên nhiên đóng chai có hàm lượng fluorid lớn hơn 1,5 mg/l thì phải ghi trên nhãn sản phẩm là “Sản phẩm không sử dụng cho trẻ em dưới 7 tuổi”./ *According to point b, terms 2.3.3, item 2 base on QCVN 06-1:2010/BYT*

(3): Phải nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp thử./ *Limit must be less than the quantity specified in the corresponding test methods*

(A) Nếu số vi khuẩn (bào tử) ≥ 1 và ≤ 2 thì tiến hành kiểm tra lần thứ hai, nếu số vi khuẩn (bào tử) > 2 thì loại bỏ; (B) Không phát hiện được trong bất kỳ mẫu nào./ *(A) If bacteria number ≥ 1 and ≤ 2 (spore) doing the second test, > 2 rejecting the sample; B) Not detected in any sample.*

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water

TCVN: Tiêu Chuẩn Quốc Gia/ *National standards*

US EPA: United States Environmental Protection Agency

(2): Polychlorinated biphenyls (PCBs) được xác định dựa trên các chất sau:

Polychlorinated biphenyls (PCBs) was determined based on the following compounds:

- 2,2',5- trichlorobiphenyl
- 2,2',3,4,4',5'- hexachlorobiphenyl
- 2,4,5- trichlorobiphenyl
- 2,2',3,4',5',6- hexachlorobiphenyl
- 2,4',5- trichlorobiphenyl
- 2,2',4,4',5,5'- hexachlorobiphenyl
- 2,2',3,5'- tetrachlorobiphenyl
- 2,2',3,3',4,4',5-heptachlorobiphenyl
- 2,2',5,5'- tetrachlorobiphenyl
- 2,2',3,4,4',5,5'- heptachlorobiphenyl
- 2,2',4,5,5'- pentachlorobiphenyl
- 2,2',3,3',4,4',5,5'- octachlorobiphenyl
- 2,2',4,4',5- pentachlorobiphenyl
- 2,2',3,3',4,4',5,5',6,6'- decachlorobiphenyl

QCVN 06-1:2010/BYT Phụ lục I & III : Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên/
National technical regulation

for bottled/package natural mineral waters and drinking waters

KPH: Không phát hiện/ *Not detected*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request*

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet*



KT3-00161AMT3/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

17/01/2023

Trang / Page 07 / 07



2

QUATEST 3®

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet*



KT3-00161AMT3/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

17/01/2023
 Trang/ Page 01 / 07

1. Tên mẫu : LA VIE 5G
 Name of sample : Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 06/01/2023
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
 Description : Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
 - Dạng mẫu: lỏng;
 Form: the liquid;
 - Số đơn vị/mẫu: 20 L;
 Unit/sample: 20 L;
 - Dụng cụ chứa: bình nhựa;
 Container: plastic bottle;
3. Số lượng mẫu : 01
 Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 10/01/2023
 Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 10/01/2023 – 17/01/2023
 Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH LA VIE
 Customer : Quốc lộ 1A, Khu phố Tường Khánh, Phường Khánh Hậu, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo / See next page
 Testing results

PHỤ TRÁCH PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL TESTING LAB

Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request
3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet



KT3-00161AMT3/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

 17/01/2023
 Trang / Page 02 / 07

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 06- 1:2010/BYT Phụ lục I & III	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.1	Hàm lượng florua (F ⁻) Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B:2017	— ⁽²⁾ ;	0,3	-
7.2	Hàm lượng nitrit (NO ₂ ⁻) Nitrite content	mg/L	SMEWW 4110B:2017	0,1	KPH	0,02
7.3	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻) Nitrate content	mg/L	SMEWW 4110B:2017	50	0,5	-
7.4	Hàm lượng cyanua tổng (CN ⁻) Cyanide content	mg/L	TCVN 6181:1996	0,07	KPH	0,005
7.5	Hàm lượng chất hoạt động bề mặt anion (metylen xanh) Anion surfactant content	mg/L	TCVN 6336:1998	— ⁽³⁾ ;	KPH	0,05
7.6	Hàm lượng borat (BO ₃ ³⁻) tính theo bo (B) Borate calculated for boron content	mg/L	US EPA Method 200.8	5	0,05	-
7.7	Hàm lượng đồng (Cu) Copper content	mg/L	US EPA Method 200.8	1	KPH	0,02
7.8	Hàm lượng mangan (Mn) Manganese content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,4	KPH	0,02
7.9	Hàm lượng cadimi (Cd) Cadmium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,003	KPH	0,001
7.10	Hàm lượng niken (Ni) Nickel content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,02	KPH	0,005
7.11	Hàm lượng chì (Pb) Lead content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	KPH	0,005
7.12	Hàm lượng crôm (Cr) Chromium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,05	KPH	0,005

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chỉ tiêu chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-00161AMT3/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

17/01/2023
Trang Page 03 / 07

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 06- 1:2010/BYT Phụ lục I & III	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.13	Hàm lượng bari (Ba), Barium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,7	0,07	-
7.14	Hàm lượng Selen (Se) Selenium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	KPH	0,003
7.15	Hàm lượng stibi (Sb) Antimoni content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,005	KPH	0,005
7.16	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	0,002	-
7.17	Hàm lượng thủy ngân (Hg) Mercury content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,001	KPH	0,0005
7.18	Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật clo hữu cơ Organochlorine content		SMEWW 6630B:2017	— ⁽³⁾ :	-	-
	+ Aldrin	µg/L		-	KPH	0,5
	+ Dieldrin	µg/L		-	KPH	0,5
	+ Heptachlor	µg/L		-	KPH	0,5
	+ Heptachlor epoxide	µg/L		-	KPH	0,5
	+ Hexachlorbenzen	µg/L		-	KPH	0,5
	+ Methoxychlor	µg/L		-	KPH	0,5
	+ 4,4'-DDD	µg/L		-	KPH	0,5
	+ 4,4'-DDE	µg/L		-	KPH	0,5
	+ 4,4'-DDT	µg/L		-	KPH	0,5
	+ α-endosulfan	µg/L		-	KPH	0,5
	+ β-endosulfan	µg/L		-	KPH	0,5
	+ Endrin	µg/L		-	KPH	0,5
	+ Endosulfan-sulfate	µg/L		-	KPH	0,5
	+ α-HCB	µg/L		-	KPH	0,5
	+ β-HCB	µg/L		-	KPH	0,5
	+ γ-HCH	µg/L		-	KPH	0,5
	+ δ-HCH	µg/L		-	KPH	0,5

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet



KT3-00161AMT3/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

17/01/2023
Trang Page 04 / 07

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 06- 1:2010/BYT Phụ lục I & III	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.19	Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật nhóm cúc tổng hợp Pyrethroid content		SMEWW 6630B:2017	— ⁽³⁾ :	-	-
	+ Permethrin	µg/L		-	KPH	5,0
	+ Cypermethrin	µg/L		-	KPH	5,0
	+ Fenvalerate	µg/L		-	KPH	5,0
	+ Deltamethrin	µg/L		-	KPH	5,0
7.20	Hàm lượng thuốc trừ cỏ Herbicide content		US EPA Method 8321B	— ⁽³⁾ :	-	-
	+ 2,4,5-T	µg/L		-	KPH	1,0
	+ 2,4-D	µg/L		-	KPH	1,0
	+ 2,4-DB	µg/L		-	KPH	1,0
	+ 2,4-DP	µg/L		-	KPH	1,0
	+ MCPA	µg/L		-	KPH	1,0
	+ MCPP (Mecopro)	µg/L		-	KPH	1,0
	+ 2,4,5-TP (Fenopro)	µg/L		-	KPH	1,0
7.21	Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật nhóm carbamate Carbamate content		SMEWW 6610B:2017	— ⁽³⁾ :	-	-
	+ Carbofuran	µg/L		-	KPH	2,0
	+ Aldicarb	µg/L		-	KPH	2,0
	+ Aldicarb sulfone	µg/L		-	KPH	2,0
	+ Oxamyl	µg/L		-	KPH	2,0
	+ Propoxur	µg/L		-	KPH	2,0
	+ Carbaryl	µg/L		-	KPH	2,0
	+ Isoprocab	µg/L		-	KPH	2,0
	+ Methiocarb	µg/L		-	KPH	2,0
	+ Fenobucarb	µg/L		-	KPH	2,0
	+ Aldicarb sulfoxide	µg/L		-	KPH	2,0
	+ Carbendazim	µg/L		-	KPH	2,0

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet



KT3-00161AMT3/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

 15/01/2023
 Trang / Page 05 / 07

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 06- 1:2010/BYT Phụ lục I & III	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
	+ Thiabendazole	µg/L		-	KPH	2,0
	+ Imidaclopride	µg/L		-	KPH	2,0
	+ Methomyl	µg/L		-	KPH	2,0
7.22	Hàm lượng hydrocarbon thơm đa vòng (PAHs) Polycyclic aromatic hydrocarbon content	µg/L	SMEWW 6440C:2017	— ⁽³⁾ :	-	-
	+ Benzo (a) pyrene	µg/L		-	KPH	0,2
7.23	Hàm lượng Polychlorinated biphenyls (PCBs) ⁽²⁾ Polychlorinated biphenyls content	µg/L	SMEWW 6630B:2017	— ⁽³⁾ :	KPH	0,2
7.24	Hàm lượng dầu khoáng Hydrocarbon content	mg/L	SMEWW 6410B:2017	— ⁽³⁾ :	KPH	0,05
7.25	Coliform tổng số Total Coliform	CFU/250 mL	ISO 9308-1:2014	(A)	< 1(***)	-
7.26	Escherichia coli	CFU/250 mL	ISO 9308-1:2014	(B)	< 1(***)	-
7.27	Enterococci Streptococci faecal	CFU/250 mL	ISO 7899-2:2000 QCVN 06-1:2010	(A)	< 1(***)	-
7.28	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit Spores of sulfite - reducing anaerobes (Clostridia)	CFU/50 mL	ISO 6461-2:1986	(A)	< 1(***)	-
7.29	Pseudomonas aeruginosa	CFU/250 mL	ISO 16266:2006	(A)	< 1(***)	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only; and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chỉ tiêu không được công nhận.



KT3-00161AMT3/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

17/01/2023

Trang / Page 06 / 07

Ghi chú/ Notice:

(***) : Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra/ *The result “<1 CFU” is considered “target organism not-detectable” in the volume of sample analysed*

(2): theo điểm b, khoản 2.3.3, mục 2 của quy chuẩn này.

- Nếu sản phẩm nước khoáng thiên nhiên đóng chai có hàm lượng fluorid lớn hơn 1 mg/l thì phải ghi trên nhãn sản phẩm là “Có chứa fluorid”;

- Nếu sản phẩm nước khoáng thiên nhiên đóng chai có hàm lượng fluorid lớn hơn 1,5 mg/l thì phải ghi trên nhãn sản phẩm là “Sản phẩm không sử dụng cho trẻ em dưới 7 tuổi”./ *According to point b, terms 2.3.3, item 2 base on QCVN 06-1:2010/BYT*

(3): Phải nhỏ hơn giới hạn định lượng của phương pháp thử./ *Limit must be less than the quantity specified in the corresponding test methods*

(A) Nếu số vi khuẩn (bào tử) ≥ 1 và ≤ 2 thì tiến hành kiểm tra lần thứ hai, nếu số vi khuẩn (bào tử) > 2 thì loại bỏ; (B) Không phát hiện được trong bất kỳ mẫu nào./ *(A) If bacteria number ≥ 1 and ≤ 2 (spore) doing the second test, > 2 rejecting the sample; B) Not detected in any sample.*

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water

TCVN: Tiêu Chuẩn Quốc Gia/ *National standards*

US EPA: United States Environmental Protection Agency

(2): Polychlorinated biphenyls (PCBs) được xác định dựa trên các chất sau:

Polychlorinated biphenyls (PCBs) was determined based on the following compounds:

- 2,2',5- trichlorobiphenyl
- 2,2',3,4,4',5'- hexachlorobiphenyl
- 2,4,5- trichlorobiphenyl
- 2,2',3,4',5',6- hexachlorobiphenyl
- 2,4',5- trichlorobiphenyl
- 2,2',4,4',5,5'- hexachlorobiphenyl
- 2,2',3,5'- tetrachlorobiphenyl
- 2,2',3,3',4,4',5-heptachlorobiphenyl
- 2,2',5,5'- tetrachlorobiphenyl
- 2,2',3,4,4',5,5'- heptachlorobiphenyl
- 2,2',4,5,5'- pentachlorobiphenyl
- 2,2',3,3',4,4',5,5'- octachlorobiphenyl
- 2,2',4,4',5- pentachlorobiphenyl
- 2,2',3,3',4,4',5,5',6,6'- decachlorobiphenyl

QCVN 06-1:2010/BYT Phụ lục I & III : Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên/
National technical regulation

for bottled/package natural mineral waters and drinking waters

KPH: Không phát hiện/ *Not detected*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.in@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.in@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chỉ tiêu chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet*



KT3-00161AMT3/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

31/01/2023
Trang Page 07 / 07



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet*

